

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV TRUYỀN HÌNH CẤP HẢI DƯƠNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016

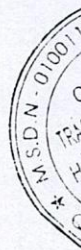
đến ngày 31/05/2016

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/05/2016.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương được chuyển đổi từ Trung tâm Truyền thanh Truyền hình Cáp Hải Dương theo Quyết định số 1159/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hải Dương ngày 30 tháng 03 năm 2009, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800285788 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 16 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 75 Phạm Hồng Thái - P. Quang Trung - TP. Hải Dương.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Minh	Giám đốc
Ông Vũ Duy Hân	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Đăng Ca	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương
Địa chỉ: Số 75 Phạm Hồng Thái - P. Quang Trung - TP. Hải Dương

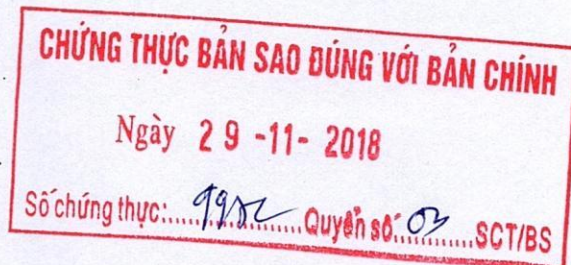
Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/05/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/05/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Văn Minh
Giám đốc

Hải Dương, ngày 20 tháng 06 năm 2016



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ



Số: 1671 /2016/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương được lập ngày 20 tháng 06 năm 2016, từ trang 06 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 05 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Truyền hình Cấp Hải Dương tại ngày 31 tháng 05 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2016

Trần Thị Mai Hương

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0593-2013-002-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-11-2018

Số chứng thực: 9972 Quyền số: 13 SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ**



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 05 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/05/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.162.870.049	3.816.824.765
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.950.382.320	1.137.841.538
111	1. Tiền		5.950.382.320	1.137.841.538
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.084.957.593	128.948.651
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	104.216.500	52.349.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	30.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	980.741.093	46.599.651
140	III. Hàng tồn kho	6	3.074.442.916	2.458.986.451
141	1. Hàng tồn kho		3.074.442.916	2.458.986.451
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		53.087.220	91.048.125
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	53.087.220	90.443.130
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	-	604.995
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.626.589.662	21.063.273.149
220	I. Tài sản cố định		23.265.765.200	20.538.490.386
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	23.265.765.200	20.538.490.386
222	- Nguyên giá		52.622.648.014	51.322.081.018
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29.356.882.814)	(30.783.590.632)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		4.263.376	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.263.376	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.356.561.086	524.782.763
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	4.356.561.086	524.782.763
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		37.789.459.711	24.880.097.914

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 05 năm 2016

(tiếp theo)

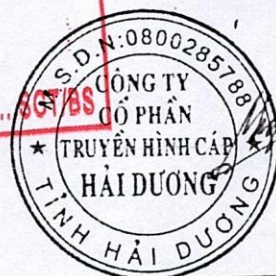
BẢN SAO

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/05/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.992.494.582	11.060.234.431
310	I. Nợ ngắn hạn		14.992.494.582	11.060.234.431
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	367.035.135	1.961.570.069
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.248.484	1.042.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	602.968.486	207.576.298
314	4. Phải trả người lao động		1.145.003.470	2.591.671.086
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	3.306.185.040	335.183.133
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12	5.472.884.918	1.356.718.143
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	4.030.683.922	174.109.433
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	50.000.000	3.705.661.462
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.485.127	726.702.807
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		22.796.965.129	13.819.863.483
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	22.796.965.129	13.819.863.483
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		8.476.158.921	8.476.158.921
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	16	8.540.292.802	
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.843.898.600	3.843.898.600
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.936.614.806	1.499.805.962
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.499.805.962	202.653.436
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		436.808.844	1.297.152.526
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		37.789.459.711	24.880.097.914

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-11-2018

Số chứng thực:..... Quyền số:.....



Vũ Thị Phương Thúy

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016

Lê Văn Minh

Giám đốc



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/05/2016

BẢN SAO

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	5 tháng đầu năm 2016 VND	5 tháng đầu năm 2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	15.838.448.070	9.899.254.157
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.838.448.070	9.899.254.157
11	3. Giá vốn hàng bán	18	12.676.098.478	7.081.513.335
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.162.349.592	2.817.740.822
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính		3.048.519	40.678
22	6. Chi phí tài chính	19	73.122.163	70.900.560
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		73.122.163	70.900.560
25	7. Chi phí bán hàng	20	1.114.927.757	884.713.438
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1.358.507.893	1.160.325.380
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		618.840.298	701.842.122
31	10. Thu nhập khác		-	263
32	11. Chi phí khác		72.668.784	-
40	12. Lợi nhuận khác		(72.668.784)	263
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		546.171.514	701.842.385
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	109.362.670	173.262.254
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		436.808.844	528.580.131

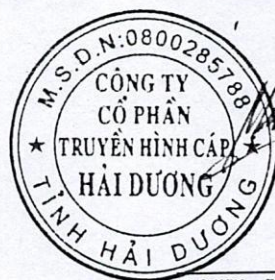
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-11-2018

Số chứng thực: 9972 Quyền sở: SCT/BS

(Chữ ký)

Vũ Thị Phương Thúy
Kế toán trưởng kiêm người lập biểu
Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016



Lê Văn Minh
Giám đốc



**PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/05/2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

BẢN SAO

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	5 tháng đầu năm 2016 VND	5 tháng đầu năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		21.898.328.014	18.122.966.282
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(6.734.954.873)	(10.115.369.853)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.241.998.408)	(4.030.924.878)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(77.957.623)	(113.367.619)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(210.384.226)	(311.199.872)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		215.846.924	-
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.060.872.900)	(404.974.087)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.788.006.908	3.147.129.973
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.935.103.183)	(243.225.818)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.048.519	70.548
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.932.054.664)	(243.155.270)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		3.612.250.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		3.507.299.786	13.959.418.403
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(7.162.961.248)	(15.466.215.458)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(609.990.674)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(43.411.462)	(2.116.787.729)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		4.812.540.782	787.186.974
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.137.841.538	357.205.786
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	5.950.382.320	1.144.392.760

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 29-11-2018

Số chứng thực: 9992 Quyền số: 03 SCTIDS



Vũ Thị Phương Thúy

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu
Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016

Lê Văn Minh
Giám đốc



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/05/2016

BẢN SAO

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương được chuyển đổi từ Trung tâm Truyền thanh Truyền hình Cáp Hải Dương theo Quyết định số 1159/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hải Dương ngày 30 tháng 03 năm 2009. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm chuyển đổi là 5.962.917.843 đồng.

Năm 2002 Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam tham gia góp vốn tại Ban Quản lý dự án Truyền hình Cáp Hải Dương (đã bàn giao dự án cho Trung tâm Truyền thanh Truyền hình Cáp Hải Dương nay là Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương). Tại thời điểm 31/12/2015 vốn đầu tư của chủ sở hữu là 8.476.158.921 đồng, trong đó, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hải Dương góp 4.500.000.000 đồng; Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam góp 3.976.158.921 đồng. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo Luật doanh nghiệp.

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 07/04/2014 của UBND tỉnh Hải Dương về việc cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Hải Dương. Ngày 22/10/2015, tại Quyết định số 2712/QĐ-UBND về việc phê duyệt Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là Công ty cổ phần số 08002285788 ngày 01 tháng 06 năm 2016 với số vốn điều lệ là 14.130.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : Số 75 Phạm Hồng Thái - Phường Quang Trung - Thành phố Hải Dương.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh các dịch vụ truyền hình cáp, truyền thông, công nghệ thông tin và các dịch vụ giá trị gia tăng kèm theo;
- Mua bán, trao đổi bản quyền các chương trình truyền hình trong và ngoài nước;
- Thiết kế, thi công các mạng truyền hình cáp, truyền thông và công nghệ thông tin;
- Mua bán, sản xuất, sửa chữa thiết bị truyền hình cáp, truyền thông, công nghệ thông tin và thiết bị điện tử;
- Phát sóng các chương trình truyền hình trên hệ thống truyền hình cáp phục vụ nhu cầu thông tin, giải trí của nhân dân;
- Sản xuất các chương trình truyền hình: Thông tin kinh tế, thể thao, giải trí, trò chơi truyền hình, phổ biến kiến thức khoa học công nghệ (Theo Giấy phép của Bộ thông tin và Truyền thông);
- Dịch vụ quảng cáo trên mạng truyền hình cáp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm

2.7. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán để sử dụng dịch vụ thuê bao truyền hình Cáp, dịch vụ quảng cáo...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của đơn vị được phân phối theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hải Dương.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	968.610.619	901.407.849
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.981.771.701	236.433.689
	5.950.382.320	1.137.841.538

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Bệnh viện Nhi Tĩnh Hải Dương	-	34.025.000
- Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai	33.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	54.346.500	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	16.870.000	18.324.000
	104.216.500	52.349.000

5. PHẢI THU KHÁC

	31/05/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	224.635.454	-	43.750.000	-
Phải thu người lao động về Thuế TNCN	-	-	2.849.651	-
Phải thu khác	756.105.639	-	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt	750.612.320	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	5.493.319	-	-	-
	980.741.093	-	46.599.651	-

6. HÀNG TỒN KHO

	31/05/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.424.693.105	-	1.835.755.158	-
Công cụ, dụng cụ	33.050.000	-	33.050.000	-
Hàng hoá	616.699.811	-	590.181.293	-
	3.074.442.916	-	2.458.986.451	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí in phôi phiếu thu, in phôi hóa đơn	30.687.220	90.443.130
- Chi phí thuê địa điểm giao dịch	22.400.000	-
	53.087.220	90.443.130
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê địa điểm giao dịch	368.216.668	329.633.333
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	636.207.546	195.149.430
- Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	3.352.136.872	-
	4.356.561.086	524.782.763

(*) Theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND - "Về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa" ngày 22 tháng 10 năm 2015.



8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

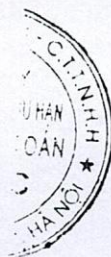
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	526.335.547	50.416.666.744	379.078.727	51.322.081.018
- Mua trong kỳ	-	340.595.685	-	340.595.685
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.195.901.811	-	1.195.901.811
- Giảm theo kết quả XĐ GTDN	(195.378.000)	(40.552.500)	-	(235.930.500)
Số dư cuối kỳ	330.957.547	51.912.611.740	379.078.727	52.622.648.014
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	256.655.040	30.147.856.865	379.078.727	30.783.590.632
- Khấu hao trong kỳ	13.789.900	3.410.858.126	-	3.424.648.026
- Tăng khác	-	72.668.784	-	72.668.784
- Giảm theo kết quả XĐ GTDN	(209.278.278)	(4.575.854.806)	(138.891.544)	(4.924.024.628)
Số dư cuối kỳ	61.166.662	29.055.528.969	240.187.183	29.356.882.814
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	269.680.507	20.268.809.879	-	20.538.490.386
Tại ngày cuối kỳ	269.790.885	22.857.082.771	138.891.544	23.265.765.200

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

- a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn
- Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương
 - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam
 - Phải trả cho các đối tượng khác

	31/05/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
	-	-	682.157.969	682.157.969
	358.455.135	358.455.135	1.132.000.000	1.132.000.000
	8.580.000	8.580.000	147.412.100	147.412.100
	<u>367.035.135</u>	<u>367.035.135</u>	<u>1.961.570.069</u>	<u>1.961.570.069</u>
	<u>358.455.135</u>	<u>358.455.135</u>	<u>1.132.000.000</u>	<u>1.132.000.000</u>

- d) Phải trả người bán là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 24)



10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	99.858.705	1.403.365.481	906.951.737	-	596.272.449
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	107.717.593	109.362.670	210.384.226	-	6.696.037
Thuế thu nhập cá nhân	604.995	-	5.493.319	4.888.324	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.500.000	11.500.000	-	-
	604.995	207.576.298	1.529.721.470	1.133.724.287	-	602.968.486

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	4.835.460
- Phí bản quyền	2.380.443.309	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	216.713.526
- Chi phí thuê cột điện	455.517.562	113.634.147
- Chi phí thuê đường truyền cáp quang	204.949.673	-
- Chi phí phải trả khác	265.274.496	-
	3.306.185.040	335.183.133

12. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước của dịch vụ thuê bao Truyền hình Cáp	5.472.884.918	1.356.718.143
	5.472.884.918	1.356.718.143

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	20.118.240	-
Bảo hiểm xã hội	133.363.850	67.104.570
Bảo hiểm y tế	14.946.030	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.642.680	-
Phải trả về cổ phần hóa	3.671.340.909	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	184.272.213	107.004.863
- Phải trả lợi nhuận cho Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	46.677.750	46.677.750
- Phải trả, phải nộp khác	137.594.463	60.327.113
	4.030.683.922	174.109.433

14. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong kỳ		31/05/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (*)	3.705.661.462	3.705.661.462	3.507.299.786	7.162.961.248	50.000.000	50.000.000
	<u>3.705.661.462</u>	<u>3.705.661.462</u>	<u>3.507.299.786</u>	<u>7.162.961.248</u>	<u>50.000.000</u>	<u>50.000.000</u>

(*) Là khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/222783/HĐTD ngày 12/11/2015 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 4.500.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên hoặc nhu cầu bổ sung vốn lưu động theo thời vụ, bao gồm: Tiền điện, nước, điện thoại, cước internet; Các khoản thuế giá trị gia tăng/thuế tài nguyên/thuế thu nhập doanh nghiệp/thuế xuất - nhập khẩu và phí, lệ phí; Thanh toán lương cho người lao động; Thanh toán tiền mua nguyên/nhiên/vật liệu, vật tư, hàng hóa, dịch vụ; Hoặc các mục đích khác được ngân hàng chấp thuận;
- Lãi suất trong hạn: 7%/năm, thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần hoặc theo thông báo của Ngân hàng;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn và được áp dụng kể từ ngày quá hạn;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty và thế chấp bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/222783/HĐBĐ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng này với giá trị tài sản thế chấp là 4.632.000.000 đồng;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 31/05/2016 là 50.000.000 đồng.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	8.476.158.921	-	3.843.898.600	202.653.436	12.522.710.957
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	528.580.131	528.580.131
Số dư cuối kỳ trước	8.476.158.921	-	3.843.898.600	731.233.567	13.051.291.088
Số dư đầu năm này	8.476.158.921	-	3.843.898.600	1.499.805.962	13.819.863.483
Lãi trong kỳ	-	-	-	436.808.844	436.808.844
Tăng theo kết quả xác định	-	8.540.292.802	-	-	8.540.292.802
Giá trị doanh nghiệp	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	8.476.158.921	8.540.292.802	3.843.898.600	1.936.614.806	22.796.965.129

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/05/2016	Tỷ lệ	01/01/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hải Dương	4.500.000.000	53,09%	4.500.000.000	53,09%
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	3.976.158.921	46,91%	3.976.158.921	46,91%
Cộng	8.476.158.921	100,00%	8.476.158.921	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	5 tháng đầu năm 2016	5 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	8.476.158.921	8.476.158.921
- Vốn góp đầu năm	8.476.158.921	8.476.158.921
- Vốn góp cuối kỳ	8.476.158.921	8.476.158.921

e) Các quỹ của công ty

	31/05/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	3.843.898.600	3.843.898.600
	3.843.898.600	3.843.898.600

16. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN

	5 tháng đầu năm 2016	5 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ (*)	8.540.292.802	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	8.540.292.802	-

(*) Theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND - "Về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa" ngày 22 tháng 10 năm 2015.

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	5 tháng đầu năm 2016	5 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.586.238.563	1.518.533.637
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.252.209.507	8.380.720.520
	15.838.448.070	9.899.254.157

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	5 tháng đầu năm 2016	5 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.000.398.539	1.156.900.647
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.675.699.939	5.924.612.688
	12.676.098.478	7.081.513.335

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	5 tháng đầu năm 2016	5 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	73.122.163	70.900.560
	73.122.163	70.900.560

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	5 tháng đầu năm 2016	5 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân công	740.676.271	801.560.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	374.251.486	83.152.650
	1.114.927.757	884.713.438

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	5 tháng đầu năm 2016	5 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.012.638	-
Chi phí nhân công	1.041.314.600	832.318.365
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	9.978.185	21.176.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.789.900	2.546.190
Thuế, phí và lệ phí	11.500.000	11.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.380.749	203.361.323
Chi phí khác bằng tiền	115.531.821	89.423.275
	1.358.507.893	1.160.325.380

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	5 tháng đầu năm 2016	5 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	546.171.514	701.842.385
Các khoản điều chỉnh tăng	641.838	-
- Các khoản tiền phạt	641.838	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	546.813.352	701.842.385
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	109.362.670	173.262.254
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	107.717.593	211.199.872
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(210.384.226)	(311.199.872)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính	6.696.037	73.262.254
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	6.696.037	73.262.254

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Từ ngày 01/06/2016, Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Hải Dương chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Hải Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 06 năm 2016 với số vốn điều lệ là 14.130.000.000 đồng.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	5 tháng đầu năm 2016 VND	5 tháng đầu năm 2015 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	Công ty góp vốn	1.200.985.758	672.277.629

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/05/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn			
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	Công ty góp vốn	358.455.135	1.132.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	Công ty góp vốn	2.380.443.309	-
Phải trả cổ tức			
Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam	Công ty góp vốn	46.677.750	46.677.750

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		5 tháng đầu năm 2016 VND	5 tháng đầu năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT		470.839.087	292.400.491

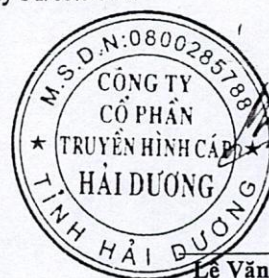
25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do đơn vị lập. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính do đơn vị lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/05/2015.

Vũ Thị Phương Thủy

Kế toán trưởng kiêm người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2016



Lê Văn Minh

Giám đốc



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC HÀ